

国会

越南社会主义共和国
独立 - 幸福 - 自由

编号：198/2025/QH15

决议

关于若干特别机制与政策以发展私营经济

国会

根据《越南社会主义共和国宪法》；

根据已依照第 65/2020/QH14 号法令与第 62/2025/QH15 号法令进行修订、补充部分条文的第 57/2014/QH13 号《国会组织法》，；

根据第 64/2025/QH15 号《法律文件颁布法》；

决议：

第一章 一般规定

第 1 条. 调整范围

本决议规定若干特别机制与政策以发展私营经济。

第 2 条. 适用对象

本决议适用于企业、个体经营户、从事经营的个人及其他有关的组织或个人。

第 3 条. 术语解释

1. 创新创业企业是指以实现创意为目的，基于利用知识产权、技术及新型商业模式而设立的企业，并具备快速成长的潜力。
2. 个体经营户是指由个人或家庭成员依法注册成立的经营形式，并以其全部财产对该经营活动承担责任。
3. 个人经营者是指从事经营活动并以其全部财产对该经营活动承担责任的个人。

第二章



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mê Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

改善营商环境

第4条. 关于企业、个体经营户、个人经营者的稽查检查、许可认证、市场竞争及资源取得的基本原则

1. 每年对每一企业、个体经营户、个人经营者（如有）进行稽查的次数不得超过一次，除非有明显违法迹象。
2. 每年对企业、个体经营户、个人经营者（如有）进行检查的次数，包括联合检查，不得超过一次，除非有明显违法迹象。
3. 对于同一国家管理事项，在同一年度内，若已对企业、个体经营户、个人经营者实施稽查，则不得再进行检查；反之若已实施检查，亦不得再行稽查，惟存在明显违法迹象时不在此限。
4. 对企业、个体经营户、个人经营者的稽查、检查计划与结论，须依法公开。
5. 严肃处理滥用或利用检查、稽查职权骚扰、刁难企业、个体经营户及个人经营者的行为。
6. 积极应用数字化转型于稽查、检查活动中，优先基于电子数据远程稽查、检查，减少实地检查、稽查。
7. 对严格遵守法律规定的企业、个体经营户及个人经营者，可免除实地检查。
8. 完善法律体系，消除市场准入障碍，确保营商环境通畅、透明、明确、一致、长期稳定、易于遵守、成本低廉。
9. 强力推动从事前审查向事后监督转型，并同步提升监管效力与效能。将经营条件管理模式由核发许可及认证制度，转换为公告经营条件结合事后监督机制，惟少数依法规要求及国际惯例必须维持许可程序之特定领域除外。
10. 禁止在资本、土地、自然资源、资产、技术、人力资源、数据等资源要素的调动、分配及利用过程中，对各经济部门主体实施差别待遇。
11. 对限制竞争、不正当竞争、滥用市场支配地位及滥用垄断地位的违法行为，应依法严肃处理。
12. 严禁媒体、报刊、组织或个人进行骚扰、贪腐行为，或散布虚假、不实信息，对企业、企业家、个体经营户或个人经营者造成不良影响。

第5条. 处理违规与经营争议的原则

1. 明确区分法人责任与个人责任在处理违规行为中的适用；区分刑事责任、行政责任与



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mê Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

民事责任；以及行政责任与民事责任之间的界限。

2. 对于民事及经济违规案件，应优先采取民事、经济及行政措施；鼓励企业、个体经营户及个人经营者主动纠正违规行为并修复损害。若实际适用法律可能导致刑事处理或非刑事处理两种结果，则不采取刑事处理。
3. 对于达到刑事处理程度的违规行为，应优先采取主动、及时、全面的经济损失补救措施，此为司法机关在决定是否启动刑事诉讼、调查、起诉、审判及后续处理措施的重要依据。
4. 不得溯及既往地适用法律规定对企业、个体经营户及个人经营者作出不利处理。
5. 若案件中的信息、数据或证据不足以认定存在违法行为，应依照诉讼法律规定尽快作出结论，并公开发布该结论。
6. 在调查、起诉及审判案件的过程中，应确保无罪推定原则。
7. 对涉案资产的封存、扣押、临时扣留及冻结，必须依照法定权限、程序及范围进行，不得侵犯组织或个人的合法权益；应确保封存、扣押、临时扣留及冻结的资产价值与案件预计损害后果相符。应合理采取必要措施，确保涉案资产价值，同时在经司法机关一致同意且不影响调查的前提下，尽量减少对企业生产经营活动的影响。
8. 明确区分合法形成的财产与因违法行为所得的财产及其他涉案财产；同时，在处理违规行为及解决案件时，要区分企业的财产、权利和义务与企业管理者个人的财产、权利和义务。
9. 对物证及资产的处理应及时、有效，不得影响案件的证明及解决；应尽早补救损害后果，恢复资产的活用与使用，以促进发展资源的流通，避免资产流失或浪费；应保障国家利益及组织、个人的合法权益，并符合越南社会主义共和国作为缔约国的国际条约。

第六条. 解决企业破产问题

1. 扩大法院依据简化程序审理及裁决企业破产案件的适用情形及依据。
2. 根据本条第1款规定，以简化程序处理破产案件时，其处理时间应比普通程序至少缩短30%，且办理流程 and 手续应予以简化。

第三章

取得土地与生产经营场地以及租用公有房产、土地资源的支持



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mê Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

第七条. 土地及生产经营场地取得之支持措施

1. 各地可动用地方财政预算，对工业园区、工业聚集区及科技孵化基地的基础建设提供部分资金支持。支持范围包括：征地补偿与移民安置；以及交通、供电、供水、排水、污水处理和通讯等基础设施工程投资。
2. 工业区、工业聚集区及科技孵化基地之基础设施投资经营业者，依本条第1款规定获得投资支持者，应预留部分已完成基础设施建设之土地，供私营经济领域之高科技企业、中小企业及创新创业企业承租或转租。由本条第1款规定之投资支持资金所形成之资产，不适用《公有财产管理及使用法》之相关规定。
3. 省级人民委员会应依据实际状况及地方财政预算平衡能力，制定投资支持之原则、标准与定额，并核定工业区、工业聚集区及科技孵化基地中，依本条第1款及第2款规定预留予私营经济领域高科技企业、中小企业与创新创业企业承租或转租之已完成基础设施建设土地面积。
4. 对于在本决议生效后新设立的工业区、工业聚集区，省级人民委员会应根据实际情况，按以下标准确定各工业区、工业聚集区已完成基础设施建设的土地面积：平均每个工业区、工业聚集区20公顷，或占该工业区、工业聚集区总面积的5%，该土地应预留给私营经济领域的高科技企业、中小企业及创新创业企业承租或转租。
5. 依本条第4款规定新设立之工业区及工业聚集区，如未获国家投资支持建设基础设施系统，且自完成基础设施建设之日起二年期满后，仍无私营经济领域高科技企业、中小企业或创新创业企业承租或转租者，该工业区及工业聚集区之基础设施投资经营业者得将土地出租或转租予其他企业。
6. 私营经济领域高科技企业、中小企业及创新创业企业，自与工业区、工业聚集区及科技孵化基地之基础设施投资经营业者签订土地租赁合同之日起五年内，获保障至少30%土地转租租金减免。此项租金补贴应由国家依政府相关规定返还予投资者，其具体减免幅度由省级人民委员会核定。

第八条. 公有房地产租赁支持措施

1. 国家支持中小企业、产业配套企业及创新企业承租地方闲置公有房地产。
2. 政府规定本条第1款所述之支持原则与适用对象。
3. 省级人民委员会负责规定出租的公有资产清单、支持的标准、幅度、方式，以及各类资产的出租程序与手续，并于当地政府网站上公开发布。

第四章

财政、信贷与政府采购支持

第九条. 财政与信贷支持

1. 私营经济领域企业、个体经营户及个人经营者，于实施绿色循环项目并采用环境、社会与治理（ESG）标准框架时，可获得政府提供之2%年利率贷款补贴。
2. 中小企业发展基金之职能如下：
 - a) 提供中小企业贷款；
 - b) 提供创业贷款；
 - c) 提供创新创业项目及育成中心建设项目之启动资金；
 - d) 投资地方基金与私募股权基金，以增加中小企业及创新创业企业之资金供给；
 - d) 受理并管理各机构及个人之借贷资金、资助款、捐助款与信托资金，用以支持中小企业。

第十条. 税费支持

1. 创新创业企业、创业投资基金管理公司与创新创业中介机构，其来自创新创业活动之收入，可享2年企业所得税免征，及后续4年税额减半优惠。免税与减税期间之认定，应依《企业所得税法》规定办理。
2. 对于转让创业企业的股份、出资份额、出资权、购股权与出资份额权所取得的收入，免征个人所得税与企业所得税。
3. 创新创业企业、研发中心、创新中心及中介机构支付予专家与科学家之薪资所得，自领取年度起可享2年免征个人所得税，及后续4年税额减半之优惠。
4. 中小企业自首次取得公司登记证之日起3年内，免征企业所得税。
5. 大企业为参与产业链的中小企业进行人力培训与再培训之费用，得列入可扣除费用，用于计算企业所得税应税收入。
6. 自2026年1月1日起，个体经营户与个人经营者将不再适用定额课税制，须依《税务管理法》申报缴税。
7. 自2026年1月1日起，停止征收营业执照费。
8. 对于因政府机构重组而需更换、重新办理的证照、文件，免收手续费与登记费。

第十一条. 招标优惠措施

1. 使用国家预算之工程安装、货物采购及货物供应连同安装之混合标案，其标案金额不超过200亿越南盾者，应保留予中小企业，其中应优先予由青年、妇女、少数民族同胞、身心障碍者主导之企业，以及位于山区、边境与海岛之企业。
2. 若已开展招标程序，但无中小企业符合相关要求，则允许重新进行招标，且无须遵循本条第1款的规定。

第五章

科学、技术、创新、数字化转型与人力培训支持

第十二条. 研究、开发与应用科学技术、创新与数字化转型的支持措施

1. 企业可以从应税所得中提拨最高20%之金额，作为企业科学技术、创新及数字化转型发展基金。该基金可用于企业自行实施或委外办理科技研发、创新项目，并可依「产出计价」机制执行。基金之使用应遵循《企业所得税法》相关规定。
2. 企业投入的研发支出，在依据政府规定计算企业所得税应纳税所得额时，可按照该研发活动实际支出金额的200%列为可扣除成本。
3. 国家安排资金，免费向小型、微型企业、个体经营户以及个人经营者提供共享数字平台和会计软件，具体规定由政府制定。

第十三条. 提升企业管理能力与人力资源素质的支持措施

1. 编列国家预算以执行「至2030年培训10,000名企业执行长计划」。
2. 为小型、微型企业、个体经营户与个人经营者，免费提供部分法律咨询服务及企业管理、会计、税务与人力资源等相关培训课程。

第六章

中型、大型企业与先驱企业之培育支持

第十四条. 国家重点及重要项目之委托订购、限制性招标与指定承包

1. 国家扩大私营企业参与对经济社会发展具有重大意义的重点项目及国家级重要项目的范围，方式包括直接投资、公私合营（PPP）模式，或依照法律规定的其他公私合作形式。
2. 具决策权之主管机关与项目业主，得依据法律规定，选择采用订单委托、限制性招标、



指定承包，或其他适当形式，以实施涉及战略性领域、国家重点科研任务、高速铁路、城市轨道交通、基础工业、尖端产业、能源基础设施、数字基础建设、绿色交通、国防与安全，以及其他紧急或迫切任务之项目。上述实施应在确保公开透明、质量可靠、进度可控、成效显著与责任清晰的原则下进行。

第十五条. 培育与发展具有区域与全球影响力的中大型企业及私营经济集团的支持措施

国家制定计划并编列预算，通过以下方案支持培育及发展具区域及全球影响力的中大型企业及私营经济集团：

1. 「1,000家标杆企业发展计划」：重点扶持科技创新、数字转型、绿色转型、高科技产业、配套产业等领域的先驱企业；
2. 「走向国际市场（Go Global）计划」：提供市场拓展、资金、技术、品牌、通路、物流、保险、咨询、法律、并购（M&A）、跨国企业对接及商贸纠纷解决等支持。

第七章 施行条款

第十六条. 组织实施

1. 政府、最高人民法院法官委员会、最高人民法院院长、最高人民检察院检察长、省级地方政府应依权限详细规定、指导适用并组织实施本决议，确保各项机制与政策之准入条件便利可行且具实效。
2. 政府、各部会、部级机关、中央与地方其他机关须强化责任制，尤应落实首长责任制，以领导、指导、组织实施、监督及检查本决议规定之执行情况，确保公开透明、高效可行；严禁政策套利、资源流失与浪费行为。
3. 最迟于2026年12月31日前，完成对土地、规划、投资等相关法律之审查、修订、补充与完善；持续审查、修订、补充及完善其他与投资经营相关之法律，以全面制度化2025年5月4日政治局第68-NQ/TW号《关于发展私营经济之决议》。
4. 责成政府：
 - a) 最迟于2025年12月31日前，完成对不必要、重迭、不适宜且阻碍私营企业发展之经营条件的审查与清理；实现行政手续处理时间至少减少30%、法规遵从成本至少降低30%、经营条件至少精简30%，并于后续年度持续大幅削减；
 - b) 明确划分各级、各部门及单位间的权责分工，厘清首长在行政手续处理中的责任；

- c) 建立针对生产经营活动障碍与困难的评估及回馈机制；
- d) 改善中央与地方之间、部委之间以及地方相互间政策执行不一致的现象。
5. 参与制定、颁布及实施本决议所定机制与政策的机关、单位首长及干部、公务员、职员、劳动者，若已完整履行相关程序与规定，且执行职务过程中无牟取私利行为，但因客观风险导致损害者，可考虑免除责任。

对执行本决议表现优异的组织与个人，依法予以奖励。严肃处理干部、公务员在实施本决议过程中的贪腐、套利及刁难行为。

6. 国会、国会常务委员会、越南祖国阵线中央委员会、民族委员会、国会各委员会、国会代表团及国会代表、各级人民议会，应在自身职权范围内监督本决议之执行情况。

第十七条. 施行条款

1. 本决议自国会通过之日起生效。
2. 若本决议与国会其他法律、决议就同一事项有不同规定，则适用本决议之规定。若其他法律规范性文件规定之机制、政策较本决议更为优惠或便利，则适用该法律规范性文件之规定。

本决议由越南社会主义共和国第十五届国会于2025年5月17日第九次会议通过。

国会主席

陈清敏

~ 恒利翻译，仅供参考 ~

Nghị quyết số: 198/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

2. Hộ kinh doanh là loại hình kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh.

3. Cá nhân kinh doanh là cá nhân có thực hiện hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Chương II

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

1. Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

3. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

4. Kế hoạch, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

5. Xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng, lợi dụng thanh tra, kiểm tra để những nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

6. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử; giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp.

7. Miễn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

8. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường, bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.

9. Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát. Chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.

10. Không phân biệt đối xử giữa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác.

11. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với hành vi làm hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, lạm dụng vị trí thống lĩnh và lạm dụng vị trí độc quyền.

12. Nghiêm cấm cơ quan truyền thông, báo chí, tổ chức, cá nhân có hành vi nhúng nhũn, tiêu cực, đưa thông tin sai lệch, không chính xác, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, doanh nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 5. Nguyên tắc xử lý vi phạm và giải quyết vụ việc trong hoạt động kinh doanh

1. Phân định rõ giữa trách nhiệm của pháp nhân với trách nhiệm của cá nhân trong xử lý vi phạm; giữa trách nhiệm hình sự với trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm hành chính với trách nhiệm dân sự.

2. Đối với vi phạm, vụ việc về dân sự, kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước; các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được chủ động khắc phục vi phạm, thiệt hại. Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì không áp dụng xử lý hình sự.

3. Đối với vi phạm đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế chủ động, kịp thời, toàn diện trước và là căn cứ quan trọng để cơ quan tiến hành tố tụng xem xét khi quyết định khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và các biện pháp xử lý tiếp theo.

4. Không được áp dụng hồi tố quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

5. Đối với vụ việc mà thông tin, tài liệu, chứng cứ chưa đủ rõ ràng để kết luận có hành vi vi phạm pháp luật thì phải sớm có kết luận theo quy định của pháp luật tố tụng, thực hiện công bố công khai kết luận này.

6. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án.

7. Bảo đảm việc niêm phong, kê biên tạm giữ, phong tỏa tài sản liên quan đến vụ việc, vụ án phải theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phạm vi, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm giá trị niêm phong, kê biên, tạm giữ, phong tỏa tương ứng với dự kiến hậu quả thiệt hại trong vụ án. Sử dụng hợp lý các biện pháp cần thiết để bảo đảm giá trị tài sản liên quan

đến vụ án, giảm thiểu tác động của điều tra đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan tố tụng và không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra.

8. Phân biệt rõ tài sản hình thành hợp pháp với tài sản, thu nhập có được từ hành vi vi phạm pháp luật, tài sản khác liên quan đến vụ án; giữa tài sản, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp với tài sản, quyền, nghĩa vụ của cá nhân người quản lý doanh nghiệp trong xử lý vi phạm và giải quyết vụ việc.

9. Xử lý kịp thời, hiệu quả vật chứng, tài sản nhưng không làm ảnh hưởng đến việc chứng minh, giải quyết vụ việc, vụ án; sớm khắc phục hậu quả thiệt hại, đưa tài sản vào khai thác, sử dụng, nhằm khơi thông nguồn lực phát triển, tránh thất thoát, lãng phí; bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 6. Giải quyết phá sản doanh nghiệp

1. Mở rộng trường hợp, căn cứ để Tòa án xem xét, quyết định việc giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với doanh nghiệp.

2. Việc giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm rút ngắn tối thiểu 30% về thời gian và đơn giản hóa trình tự, thủ tục giải quyết so với thủ tục thông thường.

Chương III

HỖ TRỢ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI, MẶT BẰNG SẢN XUẤT KINH DOANH, THUÊ NHÀ, ĐẤT LÀ TÀI SẢN CÔNG

Điều 7. Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

1. Các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ một phần đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Các nội dung được hỗ trợ bao gồm: hỗ trợ thu hồi đất, bồi thường, tái định cư; hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc.

2. Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này phải dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại. Không áp dụng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, xác định diện tích đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng bảo đảm bình quân 20 ha/khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc 5% diện tích đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn để dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

5. Trường hợp khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới theo quy định tại khoản 4 Điều này mà không được nhận hỗ trợ đầu tư của Nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, sau thời hạn 02 năm kể từ ngày khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng mà không có doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại, thì chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quyền cho các doanh nghiệp khác thuê, thuê lại.

6. Doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Khoản hỗ trợ tiền thuê đất này được Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư theo quy định của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giảm tiền thuê lại đất quy định tại khoản này.

Điều 8. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công

1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương.

2. Chính phủ quy định nguyên tắc, đối tượng hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản và thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương.

Chương IV

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG VÀ MUA SẴM CÔNG

Điều 9. Hỗ trợ tài chính, tín dụng

1. Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

2. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các chức năng sau đây:

a) Cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Cho vay khởi nghiệp;

c) Tài trợ vốn ban đầu cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo, dự án xây dựng vườn ươm;

d) Đầu tư vào các quỹ đầu tư địa phương, quỹ đầu tư tư nhân để tăng nguồn cung vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

đ) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 10. Hỗ trợ thuế, phí, lệ phí

1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

5. Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật về quản lý thuế.

7. Chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

8. Miễn thu phí, lệ phí cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đối với các loại giấy tờ nếu phải cấp lại, cấp đổi khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. Gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp sử dụng ngân sách nhà nước có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó ưu tiên doanh nghiệp do thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo.

2. Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đấu thầu lại và không phải áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương V

HỖ TRỢ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC

Điều 12. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ để tự triển khai hoặc đặt hàng bên ngoài nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo cơ chế khoán sản phẩm. Việc sử dụng quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ.

3. Nhà nước bố trí kinh phí để cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định của Chính phủ.

Điều 13. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và chất lượng nguồn nhân lực

1. Bố trí ngân sách nhà nước để triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030.
2. Cung cấp miễn phí một số dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Chương VI

**HỖ TRỢ HÌNH THÀNH DOANH NGHIỆP VỪA VÀ LỚN,
DOANH NGHIỆP TIÊN PHONG**

Điều 14. Đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu thực hiện dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia

1. Nhà nước mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân vào các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn với phát triển kinh tế - xã hội, dự án quan trọng quốc gia thông qua hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc các mô hình hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân theo quy định của pháp luật.
2. Người có thẩm quyền, chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng một trong các hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện đối với các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh và những nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, chất lượng, tiến độ, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

Điều 15. Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu

Nhà nước xây dựng chương trình và bố trí ngân sách để triển khai hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu thông qua các chương trình sau:

1. Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghệ công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ;
2. Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) để hỗ trợ về thị trường, vốn, công nghệ, thương hiệu, kênh phân phối, logistics, bảo hiểm, tư vấn, pháp lý, mua bán sáp nhập, kết nối với các tập đoàn đa quốc gia, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, chính quyền địa phương cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng và tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm điều kiện tiếp cận, thực hiện cơ chế, chính sách thuận lợi, khả thi, hiệu quả.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trực lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

3. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2026, hoàn thành việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật khác liên quan đến đầu tư kinh doanh để thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

4. Giao Chính phủ:

a) Chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo;

b) Thực hiện phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, các ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính;

c) Thiết lập cơ chế đánh giá, phản hồi về rào cản, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

d) Khắc phục tình trạng thiếu nhất quán trong thực thi chính sách giữa trung ương và địa phương, giữa các Bộ, ngành và giữa các địa phương với nhau.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm đối với trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan.

Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Nghị quyết này được khen thưởng theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

6. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 5 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



★Trần Thanh Mẫn